

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2019
V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh An Nhã
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Tươi

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G: Ông Khương Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 07, ấp ML, xã VP, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 07, ấp ML, xã VP, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn K kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Vợ chồng ông chung sống với nhau vào năm 1992, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xung đột nhau, có lối sống không phù hợp. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Quá trình chung sống có hai con chung tên:

1/ Nguyễn Đức M, sinh ngày 30/4/1992, giới tính nam

2/ Nguyễn Đức L, sinh ngày 15/6/1997, giới tính nam, các cháu đều đã trưởng thành.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với vợ là bà Nguyễn Thị H.

Con chung: Các con đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông K và không có ý kiến gì.

Nay yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Các con đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Về đường lối xét xử, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung, các con của ông K, bà H đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông K, bà H không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

Án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Ông Nguyễn Văn K nộp đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H được Tòa án thụ lý ngày 01/10/2019 thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Luật này được áp dụng để giải quyết các quan hệ hôn nhân, con chung giữa ông, bà. Mặt khác, ông K K kiện xin ly hôn bàH có địa chỉ tại ấp Mẹt Lung, xã Vĩnh Phú, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên việc K kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo các Điều 26 và Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992, ông K và bàH đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

Theo khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Theo Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Như vậy, việc chung sống giữa ông K và bàH do không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng và không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nghĩ nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K mà phải tuyên bố không công nhận ông K và bàH là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông K, bàH thừa nhận vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Đức M, sinh ngày 30/4/1992 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 15/6/1997 hiện đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Ông K, bàH tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí hôn

nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông K, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009998 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Ông K không phải nộp thêm.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/11/2019);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- UBND xã Vĩnh Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Phước Lộc

